|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**  Số: /2025/QĐ-UBND |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Bình Phước, ngày tháng năm 2025* |

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống,**

**trồng một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung các danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

- Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng làm cơ sở cho việc lập và thẩm định các dự án đầu tư; tính toán xuất đầu tư; xây dựng đơn giá đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất giống; xây dựng đơn giá bồi thường cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất; phục vụ công tác chỉ đạo và quản lý điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước; đồng thời, làm cơ sở cho các tổ chức và cá nhân có liên quan áp dụng vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân áp dụng vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống, trồng một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Bỉnh Phước**

1. Định mức sản xuất giống điều, nuôi và nuôi và sản xuất giống thủy sản nước ngọt trong ao: quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Định mức trồng một số loại cây trồng: định mức cho 05 loại cây trồng (cây sầu riêng, cây tiêu, cây điều, cây cà phê vối, cây cao su). Quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày........tháng.....năm 2025. Thay thế Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 về việc ban hành Quyết định định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc cao su trong thời kỳ kiến thiết cơ bản trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/02/2013 về việc ban hành Quyết định định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc một số loại cây trồng trong thời kỳ kiến thiết cơ bản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 4.** **Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan theo dõi, kiểm tra, thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động khuyến nông theo đúng quy định. Đồng thời chỉ đạo, các cơ quan chuyên môn theo dõi việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn để tổng hợp, báo cáo đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Các ông (bà) Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính;  - Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;  - TTTU, TT HĐND tỉnh;  - UBMTTQVN tỉnh;  - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;  - Như Điều 4;  - Trung tâm phục vụ HCC (đăng công báo);  - VP UBND, LĐVP, các phòng;  - Lưu: VT, P.KT. |  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |